

NIỀM TIN TÔN GIÁO TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI NIỀM TIN XÃ HỘI

Tóm tắt: Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế cùng với sự chuyển đổi nhận thức tôn giáo của Nhà nước từ Đổi mới đến nay tạo điều kiện cho sự hồi sinh của tôn giáo Việt Nam. Hiện nay, tôn giáo thế giới nhìn chung đang đối mặt với thách thức lớn về sự suy giảm niềm tin tôn giáo thể hiện qua sự giảm sút số người đi lễ và tham dự các hành vi tôn giáo. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tôn giáo Việt Nam cũng chịu nhiều tác động của xu thế tôn giáo thế giới. Song, Việt Nam vẫn được đánh giá là nơi có niềm tin tôn giáo sâu sắc. Tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam tích cực tham gia vào các hoạt động tôn giáo. Bài viết góp phần làm sáng tỏ thực trạng niềm tin tôn giáo tại Việt Nam hiện nay; bước đầu lý giải mối quan hệ giữa niềm tin tôn giáo và niềm tin xã hội dưới góc độ niềm tin giữa cá nhân với cá nhân và niềm tin cá nhân đối với các vấn đề xã hội.

Từ khóa: Hoạt động, niềm tin, tôn giáo, xã hội, Việt Nam.

1. Một số khái niệm

1.1. Niềm tin xã hội

Để hiểu khái niệm niềm tin xã hội, trước hết, cần thao tác hóa khái niệm niềm tin. Niềm tin (Trust) là một khái niệm khó có định nghĩa thống nhất, vì nó được nhìn từ nhiều góc độ khác nhau. Khái niệm này không chỉ là “khái niệm khó nắm bắt”¹, mà còn là “khái niệm gây nhầm lẫn”² hay “khái niệm đa nghĩa khó hiểu”, thậm chí là “bãi lầy khái niệm”³. Tựu trung lại, yếu tố quan trọng nhất của khái niệm niềm tin là tính được tin tưởng.

Trong bối cảnh đó, niềm tin được hiểu là một người tự nguyện phụ thuộc vào một người khác với cảm giác an toàn tương đối, dù cho có thể có hậu quả tiêu cực. Các nhà nghiên cứu xác định, niềm tin liên quan đến hành vi theo nghĩa một người cung cấp cho người khác sự tin tưởng bằng cách hành động như là người khác có thể phản bội họ. Như vậy, hành vi

* TS., Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

liên quan đến niềm tin ngụ ý sự chấp nhận rủi ro. Khi tin vào người khác, người tin phụ thuộc vào người làm cho mình tin và mang lại quyền lực cho người làm cho mình tin đối với bản thân mình. Nó cũng thể hiện mối quan hệ qua lại giữa cá nhân trong việc hình thành niềm tin.

Niềm tin hình thành ngay trong căn tính của con người, nghĩa là được phú bẩm qua di truyền và qua giáo dục, văn hóa, môi trường sống và những biến cố của cuộc đời. Con người có được đời sống tinh thần phong phú là nhờ vào những niềm tin chân chính được phú bẩm, cũng như do văn hóa và giáo dục mang lại, chứ không phải ở những yếu tố bên ngoài. Như vậy, người ta có thể căn cứ vào những niềm tin chân chính để làm thước đo ý nghĩa và giá trị của đời sống con người cũng như hạnh phúc của họ.

Vì vậy, niềm tin là lẽ tự nhiên, còn gọi là đức tính hoàn toàn tự nhiên của con người, có khác là do những yếu tố văn hóa và giáo dục mà thôi. Vì là lẽ tự nhiên, nên niềm tin tồn tại và phát triển tùy thuộc vào cá nhân, gia đình, xã hội, tổ chức tôn giáo. Cũng vì là lẽ tự nhiên, nên niềm tin lệ thuộc vào sự nhận thức, nhất là tình cảm, cảm xúc, trí tưởng tượng, những quan năng hoạt động của thần kinh (ngũ quan). Như vậy, để có những niềm tin chân chính và cao đẹp, điều kiện cần và đủ là con người phải thông qua giáo dục dựa nhân bản. Bởi vậy, những niềm tin không dựa trên cơ sở nhân bản, mà chỉ dựa trên trí tưởng tượng và những cảm xúc nhất thời, có nghĩa là niềm tin không có cơ sở, không được hướng dẫn sẽ khiếm khuyết, thậm chí trở thành bệnh tâm thần nguy hiểm. Một xã hội phát triển bền vững phần lớn có được những niềm tin chân chính vào con người và xã hội.

Theo các nhà khoa học xã hội đương đại, niềm tin xã hội là vấn đề quan trọng. Giới học thuật ở nhiều lĩnh vực khác nhau như xã hội học, chính trị học, kinh tế học, tâm lý học, sử học, triết học, nhân chủng học,... đều quan tâm đến vấn đề này. Niềm tin xã hội giữ vị trí trung tâm các khái niệm quan trọng trong lý thuyết khoa học xã hội cũng như trong cuộc sống hằng ngày, bao gồm cả sự hài lòng, lạc quan, hạnh phúc, sức khỏe, thịnh vượng kinh tế, trình độ giáo dục, phúc lợi xã hội, tham gia cộng đồng. Tất nhiên, niềm tin xã hội là một thành phần cốt lõi của vốn xã hội, thường được sử dụng như một chỉ số quan trọng của nó, đôi khi là tốt nhất hoặc duy nhất.

Ở dạng một định nghĩa làm việc, Kenneth Newton cho rằng, niềm tin là sự tin tưởng những người khác vào lúc tồi tệ nhất sẽ không, hoặc không cố ý, hoặc không sẵn sàng làm bạn tổn hại, sẽ có hành động tốt

nhất đem lại lợi ích cho bạn. Từ đó, theo ông, niềm tin xã hội là sự tin tưởng giữa các cá nhân hay niềm tin theo chiều ngang giữa công dân, chứ không phải là niềm tin theo chiều dọc như niềm tin của công dân trong thể chế chính trị⁴.

Theo nghiên cứu của Pew Forum, niềm tin xã hội là niềm tin vào sự trung thực, tính toàn vẹn và độ tin cậy của người khác, “niềm tin vào mọi người”. Đó là một khái niệm đơn giản, đủ để mô tả, nhưng không dễ dàng tìm ra người để có thể tin tưởng⁵.

Trong nghiên cứu này, niềm tin xã hội được nhìn nhận theo cả chiều dọc và chiều ngang, tức là niềm tin giữa các cá nhân trong xã hội và niềm tin cá nhân đối với các vấn đề xã hội. Mục đích của chúng tôi là tìm hiểu sự chuyển tải niềm tin tôn giáo sang niềm tin cá nhân và niềm tin các vấn đề xã hội.

1.2. Niềm tin tôn giáo

Theo Wikipedia⁶, niềm tin tôn giáo là niềm tin vào tính chân thực của thần thoại, thể lực siêu nhiên hay các khía cạnh linh thiêng của tôn giáo. Niềm tin tôn giáo khác với thực hành tôn giáo, vì một số tín đồ không thực hành hành vi tôn giáo và một số người thực hành hành vi tôn giáo nhưng không có niềm tin tôn giáo. Niềm tin tôn giáo hình thành từ tư tưởng độc tôn đối với tôn giáo, thường liên quan tới các vấn đề sự tồn tại, các đặc tính của thần thánh và sự thờ cúng thần thánh, sự can thiệp của thần thánh trong vũ trụ và đời sống con người hoặc những lời giải thích bản thể luận về giá trị và sự thực hành lời dạy của một hoặc một nhóm nhà lãnh đạo tinh thần. Ngược lại với các hệ thống niềm tin khác, niềm tin tôn giáo thường được hệ thống hóa.

Freedictionary⁷ giải thích, niềm tin tôn giáo là niềm tin vào sức mạnh siêu nhiên hay sức mạnh có quyền kiểm soát số phận con người.

Theo Lê Thanh Hà⁸, niềm tin tôn giáo là một dạng nhận thức đặc biệt, dựa trên trực giác, tạo cho con người niềm tin thiêng liêng, giúp người ta có thể nhận thức những sự vật mà người thường không thấy được, cho người ta một sức mạnh đặc biệt mang tính thăng hoa để tác động đến cuộc sống trần tục. Niềm tin tôn giáo là một niềm tin có thật và chắc chắn, mang tính chủ quan, không cần lý giải một cách khoa học. Đó là điều kiện để con người đến với tôn giáo. Để có được niềm tin đó, người theo tôn giáo phải có sự hiểu biết nhất định về giáo lý, tuân thủ phép tắc tôn giáo theo cách của mình. Niềm tin tôn giáo có tính thiêng liêng còn thể hiện ở những vật thể, những lời thề, những kiêng cử nào đó... thậm chí

còn gắn với những con người cụ thể. Ví dụ, người ta thường nói, “Thần cây đa. Ma cây gạo. Cú cáo cây đề”. Một số người được coi là thánh nhân và trở thành đối tượng thờ cúng, chẳng hạn như Trần Hưng Đạo được coi là Đức Thánh Trần.

Cũng theo Lê Thanh Hà, niềm tin tôn giáo có một số đặc điểm cơ bản sau: Thứ nhất, vì tôn giáo liên quan đến thế giới vô hình, do vậy niềm tin tôn giáo là niềm tin vào một quyền lực siêu nhiên được san sẻ không đều cho những cộng đồng tôn giáo, khẳng định sự ưu ái của quyền lực đó đối với một số người, từ đó an ủi đối với thân phận của một số người khác. Thứ hai, niềm tin tôn giáo phải là niềm tin siêu lý, không dựa vào lý tính, thực nghiệm, chỉ cảm nhận hoặc theo truyền thống kinh nghiệm, hoặc do tu luyện dần để khẳng định vững chắc. Đó là một niềm tin không cần chứng minh. Người ta tin để rồi tin, tin vào những điều tuyệt đối, một cuộc sống như ý muốn, cuộc sống bất diệt. Vì lý do đó, nội dung niềm tin tôn giáo phụ thuộc vào giáo lý từng tôn giáo. Thứ ba, niềm tin tôn giáo có phần độc lập với việc am hiểu nội dung tôn giáo. Trong thực tế, có những người không thực hành nghi lễ tôn giáo có khi lại hiểu giáo lý nhiều hơn người thực hành nghi lễ tôn giáo đều đặn. Do đó, không phải cứ có nhận thức giáo lý tôn giáo một cách vững chắc là có niềm tin tôn giáo sâu sắc. E. Rousseau có lý khi cho rằng: “Chính cái mơ mơ hồ hồ lại tạo dựng cho niềm tin tôn giáo, làm cho tôn giáo tồn tại”. Thứ tư, mặc dù nội dung tôn giáo có thể không thay đổi, nhưng niềm tin tôn giáo có thể thay đổi trong từng cá nhân và cộng đồng. Đối với con người, niềm tin tôn giáo thay đổi theo tuổi tác, sức khỏe hoặc những thăng trầm cuộc sống.

Theo Minh Chi, niềm tin tôn giáo hàm ý niềm tin ở những cái siêu nhiên, nhưng đối với tôn giáo vẫn rất hiện thực, thậm chí còn hiện thực hơn cả thế giới hiện thực nữa, nhưng vẫn ở ngoài tầm nắm bắt của giác quan và tri thức con người bình thường⁹.

Nguyễn Xuân Vũ cho rằng, tôn giáo là một giá trị cốt lõi của xã hội, hướng đến cái thiêng liêng, cái thần thoại, xác lập một niềm tin, thông qua nghi lễ để đi đến một chuẩn mực đạo đức của cộng đồng. Niềm tin tôn giáo khác với các niềm tin khác ở chỗ, niềm tin tôn giáo thờ cái thiêng liêng (siêu nhiên và siêu nhân). Siêu nhiên là những hiện tượng tự nhiên như mây mưa, sấm chớp được thiêng hóa. Còn siêu nhân là người có quyền năng đặc biệt, vượt qua cái bình thường để trở thành siêu việt. Mỗi tôn giáo có một niềm tin riêng, tin vào Đấng Tối cao của họ một cách tuyệt đối. Vì vậy, tôn giáo ngoài việc thông cảm, chia sẻ thì cũng có

xung đột và đấu tranh. Khi bị xúc phạm đến niềm tin tôn giáo, tín đồ sẵn sàng xả thân để bảo vệ niềm tin đó¹⁰.

Niềm tin tôn giáo là một yếu tố quan trọng cấu thành tôn giáo. Theo Đặng Nghiêm Vạn, tôn giáo nào cũng bao gồm một hệ thống niềm tin, được hình thành do tình cảm thông qua những hành vi tôn giáo biểu hiện rất khác nhau, được quy định bởi một nội dung mang tính siêu thực (siêu nghiệm) nhằm tập hợp những thành viên trong một cộng đồng có tính xã hội, hỗ trợ cho nhau một cách vững chắc, làm cho tín đồ một tôn giáo tin tưởng và thực hành, quên đi những điều mà người ngoài coi là phi lý, mà cho đó là siêu lý, để trở thành một tín đồ trung thành¹¹. Niềm tin tôn giáo cần phân biệt với niềm tin trần tục. Nói đến tôn giáo là nói tới yếu tố thiêng liêng liên quan đến thế giới vô hình, quyền lực thiêng liêng có thể tác động tới con người trần thế.

Như vậy, niềm tin tôn giáo là niềm tin vào cái thiêng liêng, quyền lực siêu nhiên, được san sẻ không đồng đều cho những thành viên của một cộng đồng tôn giáo. Niềm tin tôn giáo mang tính siêu lý, không dựa trên cơ sở lý tính và thực nghiệm, chủ yếu được cảm nhận hoặc dựa vào truyền thống kinh nghiệm, do sự tu luyện để khẳng định vững chắc. Niềm tin tôn giáo không cần chứng minh. Đó là niềm tin vào những điều tuyệt đối. Nội dung niềm tin tôn giáo phụ thuộc vào giáo lý từng tôn giáo, do đó có sự khác biệt trong niềm tin tôn giáo giữa tín đồ các tôn giáo khác nhau và trong từng tôn giáo. Sự khác biệt niềm tin tôn giáo đặt ra vấn đề đa dạng tôn giáo, mà một trong những điều cốt lõi của đa dạng tôn giáo là khoan dung tôn giáo và đối thoại tôn giáo.

Để đo lường và đánh giá niềm tin tôn giáo, giới xã hội học tôn giáo sử dụng các chỉ báo về hành vi tôn giáo thông qua việc tham gia các hoạt động tôn giáo như đi lễ tại cơ sở tôn giáo, giảng dạy giáo lý, mức độ hiểu biết nghi lễ và giáo lý tôn giáo, v.v...

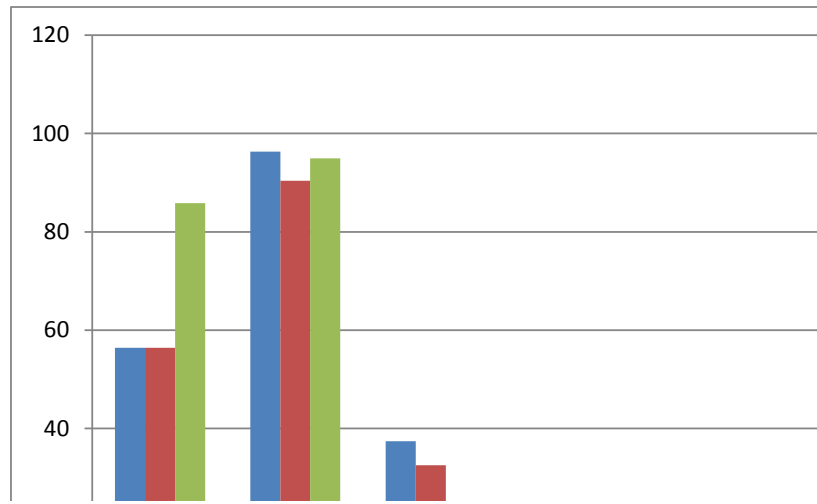
2. Niềm tin tôn giáo tại Việt Nam và mối quan hệ giữa niềm tin tôn giáo và niềm tin xã hội

2.1. Thực trạng niềm tin tôn giáo tại Việt Nam hiện nay

Nhìn vào đời sống tôn giáo Việt Nam hiện nay, các khảo sát cho thấy chỉ báo cao về niềm tin tôn giáo, trước hết là hành vi đi lễ tại cơ sở tôn giáo. Nếu tôn giáo thế giới đang phải đối mặt với sự giảm sút tín đồ đi lễ thường xuyên tại cơ sở thờ tự thì tôn giáo Việt Nam lại rất khác. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, tiến hành hai cuộc khảo sát tôn giáo toàn quốc trong các năm 1992 - 1994

và các năm 1995 - 1998¹². Kết quả cuộc khảo sát lần thứ nhất cho thấy, 56,4% tín đồ ở Hà Nội, 90,32% tín đồ ở Thành phố Hồ Chí Minh thường xuyên tham dự thánh lễ Kitô giáo (gồm lễ Chủ nhật và các Lễ Trọng). Khảo sát cũng cho kết quả tương tự đối với việc tín đồ Kitô giáo chịu Phép Thánh thể và xưng tội.

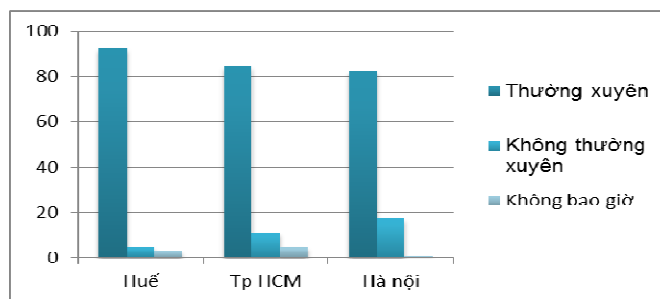
Biểu đồ 1: Mức độ tham gia các hành vi tôn giáo cơ bản của tín đồ Kitô giáo tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh



Kết quả nêu trên cho thấy, số tín đồ Kitô giáo tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thường xuyên tham gia các hành vi tôn giáo cơ bản chiếm tỷ lệ cao. Điều này thể hiện niềm tin sâu sắc của tín đồ Kitô giáo tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, tín đồ Kitô giáo ở Việt Nam nói chung. Nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài cảm thấy ngạc nhiên với tính phổ biến của hành vi xưng tội của tín đồ Kitô giáo ở Việt Nam.

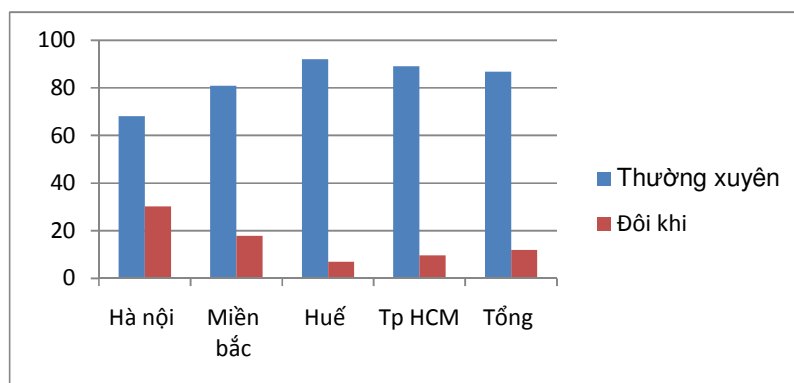
Đối với bộ phận theo Phật giáo và không theo tôn giáo thể chế, nhu cầu tôn giáo cũng rất đậm nét thể hiện qua hành vi thờ cúng tổ tiên. Đa số người dân ở bộ phận này thường xuyên thờ cúng tổ tiên. Kết quả cụ thể như sau:

Biểu đồ 2: Hành vi thờ cúng tổ tiên của bộ phận theo Phật giáo và không theo tôn giáo thể chế



Kết quả khảo sát lần thứ hai của Viện Nghiên cứu Tôn giáo thể hiện niềm tin tôn giáo đậm nét tại Việt Nam.

Biểu đồ 3: Mức độ đi lễ nhà thờ của tín đồ Kitô giáo



Trong đó, tỷ lệ tín đồ Kitô giáo tham gia những ngày Lễ Trọng thường xuyên là 91,0% và thỉnh thoảng là 8,2%. Số người đi lễ thường xuyên là 24,1% và thỉnh thoảng là 59,8%; số người đi lễ ngày Chủ nhật thường xuyên là 32,1% và thỉnh thoảng là 66,0%; số người cầu nguyện ở nhà thường xuyên là 26,8% và thỉnh thoảng là 69,0%. Tỷ lệ này có sự khác biệt giữa các địa bàn nghiên cứu.

Niềm tin tôn giáo của bộ phận Kitô giáo còn thể hiện rõ ở sự tin tưởng vào Chúa và những điều cơ bản trong giáo lý Kitô giáo. Kết quả khảo sát cho thấy, 98% tin và 1% nghi ngờ sự hiện diện của Chúa Trời; 93,5% tin và 4,6% nghi ngờ loài người do Chúa sinh ra; 90,4% tin và 5,2% nghi ngờ tội tổ tông; 83,5% tin và 10,9% nghi ngờ ngày tận thế; 91,5% tin và 4,7% nghi ngờ việc chịu Phép Thánh thể để hiệp thông với Chúa; 79,8% tin và 11,85% nghi ngờ sự hiện hình của Đức Mẹ.

Đối với Phật giáo, số tín đồ tôn giáo này đi lễ chùa thường xuyên là 14,1%, thỉnh thoảng là 31,5%. Niềm tin tôn giáo của tín đồ Phật giáo dường như không sâu sắc bằng tín đồ Kitô giáo. Điều này thể hiện ở chỉ báo tín đồ Phật giáo mà không thờ Phật hay nghi ngờ sức mạnh huyền bí của Phật.

Bảng 1: Mức độ tin vào Phật của tín đồ Phật giáo

		Hà Nội (%)	Miền Bắc (%)	Huế (%)	TP. HCM (%)	Tổng (%)
Thờ Phật		18,25	20,0	78,9	65,4	60,1
Tin Phật	Tin	49,64	53,6	80,3	72,9	71,2
	Nghi ngờ	22,63	22,5	7,8	9,7	11,9

Khảo sát năm 2013 của Viện Nghiên cứu Tôn giáo tại khu vực Tây Nguyên cho cũng thấy niềm tin tôn giáo của tín đồ tôn giáo hiện nay. Đa số tín đồ Công giáo ở Tây Nguyên có niềm tin tôn giáo sâu sắc và nhận thức đúng đắn về giáo lý tôn giáo này, trong đó có niềm tin vào sự tồn tại của Thiên Đường, Địa Ngục, Luyện Ngục. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

Bảng 2: Mức độ tin vào Thiên Đường, Địa Ngục, Luyện Ngục của tín đồ Công giáo ở Tây nguyên.

Tin hay không	Tin		Nghi ngờ		Không tin		Không biết, không trả lời		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Thiên Đường	395	99,0	2	0,5	0	0,0	2	0,5	399	100,0
Địa Ngục	391	98,0	1	0,3	1	0,3	6	1,5	399	100,0
Luyện Ngục	377	94,5	3	0,8	3	0,8	16	4,0	399	100,0

Đa số tín đồ Công giáo ở Tây Nguyên có niềm tin tuyệt đối vào các tín điều cơ bản khác của Công giáo. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

Bảng 3: Mức độ tin vào các tín điều cơ bản của tín đồ Công giáo ở Tây nguyên

Tin hay không	Tin		Nghi ngờ		Không tin		Không biết, không trả lời		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Loại người được Thiên Chúa sinh ra	394	98,7	3	0,8	1	0,3	1	0,3	399	100,0
Phép Thánh thể để hiệp thông với	399	100,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	399	100,0

Chúa										
Có quỹ dư	375	94,0	8	2,0	10	2,5	6	1,5	399	100,0
Tội tổ tông truyền	388	97,2	4	1,0	2	0,5	5	1,3	399	100,0
Ngày tận thế (Chúa tái lâm)	373	93,5	7	1,8	10	2,5	9	2,3	399	100,0
Cuộc sống trên Thiên Đường	390	97,7	4	1,0	0	0,0	5	1,3	399	100,0
Đức Mẹ hiện ra	389	97,5	4	1,0	0	0,0	6	1,5	399	100,0
Có phép lạ	384	96,2	7	1,8	1	0,3	7	1,8	399	100,0
Số phận	232	58,1	51	12,8	92	23,1	24	6,0	399	100,0

Tín đồ Công giáo ở Tây Nguyên luôn thể hiện sự thuần thành. 92,2% tín đồ Công giáo trên địa bàn thường xuyên tham gia học giáo lý. nếp sống đạo này tác động mạnh mẽ đến trẻ em trong gia đình Công giáo. Do đó, 92,7% trẻ em trong gia đình Công giáo tham gia đầy đủ các lớp học giáo lý dành cho lứa tuổi của mình.

Sự thuần thành của tín đồ Công giáo ở Tây Nguyên còn thể hiện ở tỷ lệ tham gia đi lễ nhà thờ thường xuyên lên đến 97,7%, trong số đó 96,0% vì niềm tin tôn giáo. Việc đọc kinh cầu nguyện thường xuyên tại nhà cũng được tín đồ Công giáo chú trọng, với 86,5%.

Tương tự, tín đồ Tin Lành ở Tây Nguyên có niềm tin sâu sắc vào những điều cơ bản của tôn giáo này: 99,0% tin Chúa Trời là Đấng Toàn năng tạo dựng nên vũ trụ và loài người, 97,1% tin có Thiên Đường và Hỏa Ngục, 83,3% tin ma quỷ có thật và vẫn hiện hữu hằng ngày, 93,0% tin Chúa tái lâm có dấu hiệu ngày đó đang đến gần, 64,85% tin các phép lạ vẫn xảy ra hằng ngày, 95,0% tin *Kinh Thánh* được hà hơi bởi Chúa Trời và không thể sai lầm.

Đa số tín đồ Tin Lành ở Tây Nguyên tham gia đầy đủ hoạt động tôn giáo. Riêng việc đóng góp 1/10 thu nhập chưa được tín đồ Tin Lành ở Tây Nguyên thực hiện đầy đủ. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

Bảng 4: Mức độ tham gia sinh hoạt tôn giáo của tín đồ Tin Lành ở Tây nguyên

Tham gia các sinh hoạt tôn giáo	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không tham gia		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Nhóm họp, thờ phụng Chúa hằng tuần	343	89,6	40	10,4	0	0,0	383	100,0
Cầu nguyện	338	88,3	45	11,7	0	0,0	383	100,0
Làm chứng đạo	166	43,3	156	40,7	61	15,9	383	100,0
Đọc <i>Kinh Thánh</i>	265	69,2	100	26,1	18	4,7	383	100,0
Hát thánh ca tôn	304	79,4	73	19,1	6	1,6	383	100,0

vinh ca ngôi Chúa								
Sinh hoạt các ban, giới của Hội Thánh	273	71,3	91	23,8	19	5,0	383	100,0
Dự lễ Tiệc Thánh hằng tháng	350	91,4	29	7,6	4	1,0	383	100,0
Dâng 1/10 thu nhập cho Hội Thánh hằng tháng	142	37,1	217	56,7	24	6,3	383	100,0

Đối với Phật giáo, niềm tin của Phật tử ở Tây Nguyên thể hiện qua mục đích đúng đắn dẫn đến với Phật giáo. Mong muốn lớn nhất của bộ phận đồng bào Tây Nguyên theo Phật giáo là hoàn thiện đạo đức bản thân. Điều này thể hiện giá trị đạo đức Phật giáo đang ngày càng tác động tích cực sâu rộng trong đời sống xã hội. Mục đích mang tính thực dụng như cầu tài cầu lộc được ít tín đồ Phật giáo lựa chọn. Đa số tín đồ Phật giáo ở Tây nguyên nhận thức đúng về Phật: là bậc giác ngộ, là bậc cứu khổ cứu nạn. Nghe giảng pháp cũng là một trong những hoạt động chính của tín đồ Phật giáo ở Tây Nguyên. Điều này góp phần khẳng định niềm tin sâu sắc và đúng đắn của tín đồ Phật giáo. Hầu hết Phật tử ở Tây Nguyên tham gia hoạt động này, trong đó 71,7% thường xuyên tham dự.

nhnh sách cũng là vấn đề được tín đồ Phật giáo ở Tây Nguyên quan tâm: 55,8% thường xuyên tụng kinh tại nhà và 31,3% thỉnh thoảng tụng. Tín đồ Phật giáo Tây Nguyên còn thể hiện niềm tin tôn giáo sâu sắc qua sự tham gia tích cực vào hoạt động nghi lễ với 82,8% thường xuyên đi lễ chùa.

Những con số nêu trên cho thấy bức tranh niềm tin tôn giáo và đặc trưng đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Có thể thấy, nghi lễ tôn giáo tại Việt Nam dấu phản ánh sự hội nhập và có những thay đổi trong điều kiện xã hội hiện đại, nhưng căn bản vẫn tuân thủ yếu tố truyền thống. Nếu tại Mỹ, chúng ta dễ dàng tham dự buổi lễ nhà thờ Công giáo sử dụng nhạc Pop, nhạc Rock cho thánh ca, thì tại Việt Nam, điều này hoàn toàn không thể. Những giá trị truyền thống góp phần không nhỏ tạo nền tảng cho sự thuần thành và niềm tin sâu sắc của tín đồ tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Từ niềm tin tôn giáo đến niềm tin xã hội

Năm 1995, nghiên cứu về người nhập cư tại Mỹ, Robert Putnam đã chỉ ra rằng, những nơi tỷ lệ nhập cư cao và đa dạng tộc người, người dân có xu hướng co cụm trong cộng đồng tộc người mình, không tin tưởng các thành viên của cộng đồng tộc người khác¹³. Sau khi theo dõi quá trình tạo ra vốn xã hội và xem xét một số phẩm chất chủ yếu hình thành nên

nguồn vốn này¹⁴, ông nhận ra rằng, tôn giáo là một trọng tâm đặc biệt, cụ thể đảng phái tôn giáo chiếm một nửa các nguồn vốn xã hội Mỹ. Điều đó có nghĩa là, tôn giáo đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành vốn xã hội. Yếu tố cơ bản nhất để tôn giáo thực hiện việc tạo dựng này là niềm tin tôn giáo. Niềm tin tôn giáo góp phần hình thành sự cố kết cộng đồng tôn giáo và cố kết xã hội. Có thể nói, niềm tin tôn giáo góp phần hình thành niềm tin xã hội.

Đối với Việt Nam, niềm tin tôn giáo góp phần làm gia tăng niềm tin cá nhân và tạo dựng niềm tin xã hội. Tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam thường tham gia tích cực vào các đoàn thể tôn giáo. Khảo sát tại Tây Nguyên cho thấy, 87,4% tín đồ Phật giáo, 82% tín đồ Công giáo và 62,1% tín đồ Tin Lành tham gia vào các đoàn thể tôn giáo. Họ mở rộng mối quan hệ xã hội qua sinh hoạt tôn giáo. 90,0% tín đồ Công giáo, 88,9% tín đồ Phật giáo và 84,9% tín đồ Tin Lành cho rằng có thêm bạn bè và các quan hệ xã hội khi tham gia các sinh hoạt tôn giáo.

Bảng 5: Mối quan hệ xã hội của tín đồ các tôn giáo ở Tây Nguyên qua tham gia sinh hoạt tôn giáo

Có thêm quan hệ xã hội khác	Phật giáo		Công giáo		Tin Lành		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Có	352	88,9	359	90,0	325	84,9	1036	87,9
Không	44	11,1	40	10,0	58	15,1	142	12,1
Tổng	396	100,0	399	100,0	383	100,0	1178	100,0

Mối quan hệ này khá đa dạng và nhiều người trong số họ có điều kiện gia tăng quan hệ với người ngoài tôn giáo, doanh nhân hay người có học vấn cao.

Bảng 6: Đối tượng có thêm quan hệ qua việc tham gia sinh hoạt tôn giáo của các tín đồ tôn giáo ở Tây nguyên

Nếu có thì đó là	Phật giáo		Công giáo		Tin Lành		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Doanh nhân	106	30,1	123	34,3	40	12,3	269	26,0
Cán bộ	100	28,4	104	29,0	67	20,6	271	24,7
Người có học vấn cao	100	28,4	105	29,2	51	15,7	256	24,7
Văn nghệ sĩ	51	14,5	49	13,6	22	6,8	122	11,8
Bộ đội	55	15,6	83	23,1	50	15,4	188	18,1
Người ngoài đạo	126	35,8	166	46,2	150	46,2	442	42,7
Người khác (cùng đạo)	186	52,8	179	49,9	203	62,5	568	54,8

Một trong những lợi ích chủ yếu thu được từ các mối quan hệ này là tạo dựng niềm tin lẫn nhau. 73.1% tín đồ Phật giáo, 63.8% tín đồ Công

giáo và 66.5% tín đồ Tin Lành cho biết củng cố niềm tin giữa các cá nhân thông qua việc tham gia sinh hoạt tôn giáo.

Bảng 7: Lợi ích thu được từ việc gia tăng quan hệ thông qua sinh hoạt tôn giáo của tín đồ tôn giáo ở Tây nguyên

Nhận gì từ mối quan hệ trên	Phật giáo		Công giáo		Tin Lành		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Tạo niềm tin lẫn nhau	258	73,1	229	63,8	216	66,5	703	67,8
Mang lại kiến thức văn hóa, xã hội	242	68,6	266	74,1	257	79,1	765	73,8
Mang lại cách sống tốt	232	65,7	240	69,4	239	73,5	720	69,4
Thông tin làm ăn kinh tế	169	47,9	237	66,0	242	74,5	648	62,5
Mang lại việc làm	83	23,5	147	40,9	142	43,7	372	35,9
Khác	27	7,6	31	8,6	18	5,5	76	7,3

Niềm tin này giúp tín đồ các tôn giáo nhiều vấn đề trong cuộc sống cá nhân và xã hội với những chỉ báo ngoài hoạt động tôn giáo thuần túy như chia sẻ khó khăn cuộc sống, giáo dục con cái, kiến thức xã hội, làm ăn kinh tế, v.v... Trên thực tế, họ nhận thức tương đối thống nhất về các vấn đề xã hội liên quan trực tiếp tới đời sống cá nhân.

Bảng 8: Mức độ quan tâm đến những vấn đề thiết thực đối với cá nhân của tín đồ các tôn giáo ở Tây Nguyên

Quan tâm	Phật giáo		Công giáo		Tin Lành		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Hạnh phúc	368	92,9	384	96,2	379	99,0	1131	96,0
Công bằng xã hội	313	79,0	366	91,7	358	93,5	1037	88,0
Học vấn tốt	261	65,9	338	84,7	331	86,4	930	78,9
Tôn giáo	352	88,9	383	96,0	369	96,3	1104	93,7
Kinh tế	240	60,6	346	86,7	362	94,5	948	80,5
Luật pháp	284	71,7	333	83,5	345	90,1	962	81,7
Dân chủ	258	60,2	320	80,2	326	85,1	904	76,7
Môi trường	310	78,3	355	89,0	354	92,4	1019	86,5
Sức khỏe	356	89,9	375	94,0	375	97,9	1106	93,9
Việc làm	233	58,8	384	96,2	349	91,1	909	77,2

Số liệu nêu trên cho thấy, tín đồ các tôn giáo có mức độ quan tâm cao tới các vấn đề xã hội như luật pháp, dân chủ, môi trường, công bằng xã hội. Mức độ quan tâm tới vấn đề công bằng xã hội đặc biệt cao ở tín đồ Công giáo và Tin Lành (91,7% và 93,5%). Tinh thần dân chủ cũng cao trong cộng đồng Công giáo và Tin Lành (80,2% và 85,1% so với 60,2% ở Phật giáo). Vấn đề xã hội thu hút sự quan tâm của mọi tầng lớp hiện nay là môi trường cũng được tín đồ Công giáo và Tin Lành đề cao (89,0% và 92,4% so với 78,3% ở Phật giáo). Những chỉ báo nêu trên cho thấy sự khác biệt khá rõ về mức độ quan tâm các vấn đề xã hội của tín đồ các tôn giáo. Trong đó, tín đồ Công giáo và Tin Lành có mức độ quan tâm cao hơn tín đồ Phật giáo. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới việc chuyển tải niềm tin xã

hội từ niềm tin tôn giáo giữa các tín đồ tôn giáo thể chế khác nhau và giữa tín đồ tôn giáo thể chế với người không theo tôn giáo thể chế.

Những khảo sát định tính của chúng tôi cũng cho thấy, tín đồ trong cùng cộng đồng tôn giáo thể chế có mức độ tin tưởng lẫn nhau cao hơn. Mức độ này thấp hơn đối với người không cùng tôn giáo thể chế và thấp nhất với người không theo tôn giáo thể chế. Một tín đồ Công giáo tại Đà Nẵng cho biết: “Tôi cảm thấy tin người cùng tôn giáo với mình, vì họ cũng theo Chúa, mà đã theo Chúa và thực hiện lời Chúa sẽ là người tốt. Bây giờ, ngoài xã hội người ta lừa nhau nhiều lắm. Nhưng người theo Chúa không lừa ai cả”¹⁵. Tương tự, một tín đồ Tin Lành ở Đà Nẵng chia sẻ: “Chúng tôi tin tưởng nhất vào người cùng tôn giáo với mình. Những người có tôn giáo nhưng không cùng tôn giáo với mình cũng tin tưởng được. Bởi vì, tôn giáo nào cũng dạy người ta làm điều tốt. Những người không theo tôn giáo thì chẳng biết thế nào cả”¹⁶. Không chỉ tin tưởng lẫn nhau, người trong cùng cộng đồng tôn giáo có quan điểm khá thống nhất về các vấn đề xã hội. Nhận thức xã hội được xem xét từ nhiều góc độ khác nhau. Trước hết, bản thân tín đồ trong quá trình tương tác đã cùng nhau chia sẻ các vấn đề gia đình và xã hội. Thứ hai, nội dung các vấn đề xã hội được chuyển tải trong các bài giảng giáo lý thường kỳ. Do thường xuyên tham gia các hoạt động tôn giáo nói chung và các buổi giảng giáo lý nói riêng, nên tín đồ các tôn giáo có sự gia tăng nhận thức xã hội. Tham dự một số sinh hoạt tôn giáo định kỳ tại nhà thờ Công giáo và Tin Lành, chúng tôi thấy, nội dung xã hội là một phần quan trọng trong buổi giảng sau nội dung giáo lý. Đối với Phật giáo, cho dù không có hình thức sinh hoạt định kỳ với sự tiếp xúc trực tiếp giữa người tu hành và tín đồ như Công giáo và Tin Lành, song nội dung xã hội được chuyển tải tới tín đồ qua các buổi giảng pháp. Ở đây cần bàn tới vai trò của chức sắc tôn giáo trong quá trình chuyển tải niềm tin xã hội. Tại Việt Nam, tín đồ thể hiện niềm tin sâu sắc đối với chức sắc tôn giáo. 73,7% tín đồ Công giáo ở Tây Nguyên thường xuyên hỏi ý kiến chức sắc khi bản thân và gia đình có việc quan trọng. Tỷ lệ tham khảo ý kiến già làng, trưởng bản của bộ phận này chỉ có 10,8%. Điều đó cho thấy, trong cộng đồng Công giáo, vai trò của già làng, trưởng bản rất mờ nhạt. 88,5% tín đồ Công giáo thường xuyên nghe theo lời khuyên của chức sắc và 97,0% khẳng định tính hiệu quả của lời khuyên này. Những vấn đề tín đồ nhận được sự tham vấn của chức sắc Công giáo thường liên quan trực tiếp đến đời sống xã hội của tín đồ.

Tôn giáo góp phần tạo dựng niềm tin giữa các cá nhân trong cùng cộng đồng tôn giáo và giữa các tôn giáo với nhau, cũng như tạo lập niềm tin giữa các cá nhân với xã hội. Từ lâu, câu nói “Đức Ông chùa Hà, Phật Bà chùa Hương” được nhiều người biết đến. Ở đây, chúng tôi chỉ xin bàn đến khía cạnh “Đức Ông chùa Hà”. Mỗi ngôi chùa đều mang sắc thái riêng biệt. Mức độ linh thiêng của ngôi chùa do cảm nhận qua trải nghiệm tôn giáo của tín đồ. Bởi vậy, mỗi ngôi chùa được tín đồ cảm nhận sự linh thiêng từ những góc độ khác nhau. Chùa Hà thu hút giới thanh niên và giới doanh nhân. Nơi đây được coi là linh nghiệm về tình duyên, cũng là nơi giới doanh nhân cảm nhận sự linh thiêng thiết lập niềm tin giữa các cá nhân trong công việc. Một người làm nghề kinh doanh tại phố cổ Hà Nội cho biết: “Mỗi lần cho ai vay tiền, tôi lại cùng họ đến lễ chùa Hà. Đức Ông chùa này thiêng lắm, cho vay tiền báo với ngài rồi thì không cần viết giấy tờ gì cũng không sợ bị mất”. Như vậy, Đức Ông chùa Hà được nhiều người biết đến nhờ sự linh nghiệm trong việc tạo dựng niềm tin giữa cá nhân với cá nhân trong xã hội. Đây là một ví dụ điển hình cho việc niềm tin tôn giáo chuyển tải thành niềm tin xã hội ở góc độ tạo dựng niềm tin giữa các cá nhân.

Niềm tin tôn giáo sâu sắc và việc chú trọng tham gia các sinh hoạt tôn giáo làm thay đổi lối sống của một bộ phận tín đồ tôn giáo và người dân Việt Nam. Ví dụ, với người Hà Nội xưa, đêm 30 Tết là khoảng thời gian linh thiêng. Mọi thành viên trong gia đình tập trung tại nhà mình, cùng nhau đón giờ phút giao thừa tiễn năm cũ và đón năm mới. Những ngày này, trẻ em được dặn kỹ không được sang nhà hàng xóm để tránh không may mang lại điều xấu cho bản thân và người khác. Không khí linh thiêng tiếp tục vào ngày mừng một Tết. Dân gian có câu “mùng một tết cha, mùng hai tết mẹ, mùng ba tết thầy”, hàm ý ngày mừng một dành cho bên nội, ngày mừng hai dành cho bên ngoại và ngày mừng ba dành cho người có công dạy dỗ mình. Tuy nhiên, lối sống này bị thay đổi với tác động của tôn giáo. Với niềm tin vào sự che chở của thần linh, người dân Hà Nội ngày nay có thói quen đi lễ tại cơ sở tôn giáo ngay sau giao thừa. Họ cho rằng làm như vậy sẽ nhận được sự phù hộ của thần linh, cả năm bình an, mạnh khỏe, phát đạt. Các chùa ở nội thành Hà Nội đông tấp nập từ những ngày Tết đến hết rằm tháng Giêng. Một phụ nữ cho biết: “Đi lễ chùa với cô quan trọng hơn đi chúc Tết. Chúc Tết thì bây giờ xã hội hiện đại chỉ cần gọi điện thoại là xong, nhưng đi lễ thì phải đi trực tiếp. Không đi lễ, cô thấy không yên tâm. Nên mấy ngày Tết, cô chỉ đi lễ hết chỗ này đến chỗ khác”¹⁷. Như vậy, niềm tin tôn giáo được chuyển tải sang niềm

tin xã hội. Người ta tin vào cuộc sống bình an trong cả năm với sự che chở của thần linh.

3. Kết luận

Niềm tin xã hội dựa trên cơ sở niềm tin giữa các cá nhân trong xã hội, hình thành và duy trì trên cơ sở tương tác giữa các cá nhân. Sự tương tác chặt chẽ có thể tạo nên mức độ sâu sắc cho niềm tin xã hội. Tôn giáo và cộng đồng tôn giáo góp phần tạo dựng niềm tin xã hội thông qua niềm tin tôn giáo. Các cá nhân trong cộng đồng tôn giáo thường cùng niềm tin tôn giáo. Từ niềm tin tôn giáo đó, thông qua tương tác trong hoạt động tôn giáo, các cá nhân thuộc cộng đồng tôn giáo có xu hướng gia tăng niềm tin cá nhân. Số liệu khảo sát ở Việt Nam gần đây nêu trên chứng minh cho sự gia tăng niềm tin của tín đồ trong cộng đồng tôn giáo. Niềm tin này tác động không nhỏ đến đời sống văn hoá, kinh tế và xã hội của các cá nhân. Điều đó cho thấy vai trò xây dựng niềm tin xã hội của tôn giáo chủ yếu giới hạn trong cộng đồng tôn giáo. Các nghiên cứu về vai trò của tôn giáo đối với việc xây dựng niềm tin trong cộng đồng xã hội còn thiếu vắng. Chúng tôi sẽ đề cập vấn đề này trong các nghiên cứu tiếp theo. Với niềm tin vào những vấn đề tôn giáo, tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam có sự gia tăng niềm tin giữa các cá nhân trong cộng đồng tôn giáo. Trong quá trình tham gia sinh hoạt tôn giáo, bên cạnh việc chia sẻ nhận thức tôn giáo, tín đồ còn chia sẻ nhận thức xã hội và niềm tin xã hội. Chức sắc tôn giáo cũng có ảnh hưởng lớn trong việc xây dựng niềm tin xã hội trong cộng đồng tôn giáo./

CHÚ THÍCH:

- 1 J.D. Lewis, A.J. Weigert (1985), "Trust as a Social Reality", *Social Forces*, No. 63: 975.
- 2 S.P. Shapiro (1987), "The Social Control of Impersonal Trust", *American Journal of Sociology*, No. 93: 625.
- 3 D.G. Carnevale, B. Wechsler (1992), "Trust in the Public Sector: Individual and Organizational Determinants", *Administration & Society*, No. 23: 473.
- 4 Kenneth Newton (2007), *Social and Political Trust*, Oxford University Press, Oxford.
- 5 *American and Social Trust*, <http://pewsocialtrends.org>.
- 6 [Http://en.wikipedia.org](http://en.wikipedia.org).
- 7 [Http://www.thefreedictionary.com](http://www.thefreedictionary.com).
- 8 Lê Thanh Hà, *Tín ngưỡng hay niềm tin tôn giáo*, <http://translate.google.com.vn>.
- 9 Dẫn theo: Võ Văn Thành (2014), "Thử bàn về niềm tin đời thường và niềm tin tôn giáo", *Nguyệt san Giác ngộ*, số 215: 59-65.
- 10 Nguyễn Xuân Vũ, *Một vài suy nghĩ về mối tương quan giữa tôn giáo và các bộ môn nghệ thuật*, <http://mkscrc.qtttc.edu.vn>.

- 11 Đặng Nghiêm Vạn, (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà nội: 67-68.
- 12 Cuộc khảo sát này chia đối tượng nghiên cứu thành hai nhóm là nhóm Kitô giáo (Công giáo và Tin Lành) và nhóm không Kitô giáo (gồm Phật giáo, tôn giáo bản địa và thờ cúng truyền thống). Đây là một hạn chế của cuộc khảo sát. Tuy nhiên, đây là cuộc khảo sát tôn giáo toàn quốc đầu tiên, nên chúng tôi không thể có số liệu khác thay thế và đành sử dụng số liệu này để phản ánh thực trạng niềm tin tôn giáo giai đoạn đó. Những cuộc khảo sát khác được sử dụng trong bài viết có sự tách biệt cụ thể giữa các nhóm tôn giáo.
- 13 R.D. Putnam (1995), "Bowling Alone: America's Declining Social Capital", *The Journal of Democracy*, No. 6: 65-78.
- 14 Putnam, *Social Capital and Civic Communities*, <http://infed.org>.
- 15 Phòng văn tin đồ Công giáo tại Đà Nẵng vào tháng 7/2014 do tác giả thực hiện.
- 16 Phòng văn tin đồ Tin Lành tại Đà Nẵng vào tháng 7/2014 do tác giả thực hiện.
- 17 Phòng văn tin đồ Phật giáo tại Hà Nội vào tháng 2/2014 do tác giả thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bellah, N. Robert, Madsen, Richard, Sullivan, M. William and Tipton, M. Steven (1985), *Habits of the Heart: Individualism and Commitment in American Life*, University of California Press, Berkeley and Los Angeles.
2. Anson Bình (2007), *Lý thuyết và thực tế*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Bo Rothstein, M. Eric Uslaner, *All for All: Equality and Social Trust*, <http://hks.harvard.edu>.
4. D.G. Carnevale, B. Wechsler (1992), "Trust in the Public Sector: Individual and Organizational Determinants", *Administration & Society*, No. 23: 471-494.
5. Chaeyoon Lim and Robert D. Putnam (2010), "Religion, Social Networks and Life Satisfaction", *American Sociological Review*, December.
6. Nguyễn Hồng Dương, Nguyễn Quốc Tuấn đồng chủ biên (2008), *Phật giáo với văn hóa - xã hội Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Lê Văn Đính (2007), "Bàn thêm về ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay", *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10.
8. Hardin, Russell (1993), "The Street-level epistemology of trust", *Politics and Society*, No. 21: 505-529.
9. Harrison McKnight và Norman L. Chervany, *Trust and Distrust Definitions: One bite at a time*, <https://msu.edu>.
10. Jef Wilson (Vận Năng dịch), *Cố kết xã hội và kinh thánh cầu*, <http://thuvienhoasen.org>.
11. Kenneth Newton, *Social and Political Trust*, <http://essedunet.nsd.uib.no>.
12. K. Sri Dhammananda (2000), "Thực hành đạo Phật trong xã hội hiện đại", *Nghiên cứu Phật học*, số 1.
13. Lê Thanh Hà, *Tín ngưỡng hay niềm tin tôn giáo*, <https://translate.google.com.vn>.
14. J.D. Lewis, A.J. Weigert (1985), "Trust as a Social Reality", *Social Forces*, No. 63: 967-985.
15. Nguyễn Xuân Vũ, *Một vài suy nghĩ về mối tương quan giữa tôn giáo và các bộ môn nghệ thuật*, <http://mkscrc.qttc.edu.vn>.

16. R.D. Putnam (1995), “Bowling Alone: America’s Declining Social Capital”, *The Journal of Democracy*, No.6.
17. Putnam, *Social Capital and Civic Communities*, [http:// infed.org](http://infed.org).
18. Robert Putnam (2000), *The Collapse and Revival of American Community*, Simon and Schuster, New York.
19. Pew Forum on Religion & Public Life, *Religious Beliefs and Practices*, <http://religions.pewforum.org>.
20. Rhys Davids and William Stede, *American and Social Trust*, <http://pewsocialtrends.org>.
21. Rothstein, Bo and Eric M. Uslaner (2005), *All for all. Equality, Corruption, and Social Trust*, <http://jstor.org>.
22. S.P. Shapiro (1987), “The Social Control of Impersonal Trust”, *American Journal of Sociology*, No. 93: 623-658.
23. Võ Văn Thành (2014), “Thủ bản về niềm tin đời thường và niềm tin tôn giáo”, *Nguyệt san Giác ngộ*, số 215.
24. Đặng Nghiêm Vạn (1996), *Về tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Abstract

THE RELATIONSHIP BETWEEN RELIGIOUS BELIEFS AND SOCIAL TRUTH

Since the renovation (1986), the economic restructuring along with a shift in the perception of the State of religion facilitated the revival of religion in Vietnam. Currently, world religions are faced with major challenges in the decline of religious belief expressed by the number of churchgoing and participating in religious acts is more and more fall down. In the context of globalization, Vietnamese religion also suffered the impact of the development trend of world religions, but Vietnam is considered as a country where there is a deep religious belief. Vietnamese believers are actively participated in religious activities. This paper by using the religious survey results described Vietnam religion paintings in order to clarify the status of religious belief issues in Vietnam today. In addition, the article also expected to find out the relationship between religious beliefs and social trust from the aspect of the individual trust and the individual trust on social issues.

Key words: Activity, belief, religion, society, Vietnam.